

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

*

PHỤ LỤC 1B

TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, CẤP PHÓ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỐI ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở CẤP TỈNH

(Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tổ chức hành chính	Tổng số tổ chức trực thuộc			Trong đó									Ghi chú
		Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 4 - cột 3)	Biên chế giao			Cấp phó cơ quan			Cấp phó đơn vị trực thuộc			
					Năm 2017	Năm 2024	So sánh (cột 7 - cột 6)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 10 - cột 9)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 13 - cột 12)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (I+II)	70	54	-16	352	310	-42	28	34	6	74	59	-15	
I	Khối đảng (1+2+...+8)	34	29	-5	187	171	-16	15	19	4	44	39	-5	
1	Ban Tổ chức	4	4	0	30	26	-4	2	3	1	6	7	1	
2	Ban Tuyên giáo	6	4	-2	25	23	-2	2	3	1	6	5	-1	
3	Ban Dân vận	4	3	-1	19	19	0	4	3	-1	2	3	1	
4	Ban Nội chính	3	3	0	21	19	-2	2	2	0	4	3	-1	
5	Cơ quan UBKT	4	4	0	24	24	0	3	3	0	8	5	-3	
6	Văn phòng	8	6	-2	50	42	-8	1	3	2	13	11	-2	
7	Đảng ủy Khối các cơ quan và DN tỉnh	5	5	0	18	18	0	1	2	1	5	5	0	
II	Khối MTTQ và các tổ chức CT-XH	36	25	-11	165	139	-26	13	15	2	30	20	-10	
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	5	3	-2	22	20	-2	3	3	0	5	3	-2	
2	Liên đoàn lao động	13	8	-5	49	36	-13	2	2	0	6	4	-2	
3	Hội Nông dân	5	4	-1	23	21	-2	2	2	0	5	4	-1	
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	4	3	-1	22	21	-1	3	3	0	5	3	-2	
5	Hội Cựu chiến binh	2	2	0	13	12	-1	2	2	0	2	2	0	
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	7	5	-2	36	29	-7	1	3	2	7	4	-3	

Số lượng tổ chức đảng tại thời điểm 30/6/2017 và 31/10/2024

Thời điểm 30/6/2017:

- (1) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy: 14 đảng bộ; 09 Ban cán sự, Đảng đoàn.
- (2) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy: 650.
- (3) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở: 2.664.
- (4) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở được giao thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở: Không có.

Thời điểm 31/10/2024:

- (1) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy: 14 đảng bộ; 09 Ban cán sự, Đảng đoàn.
 - (2) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy: 616.
 - (3) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở: 2.847.
 - (4) Số lượng tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở được giao thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở: Không có.
-

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

*

Phụ lục 2B

TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tổ chức hành chính	Tổng số tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị			Trong đó									Phòng thuộc Chi cục và tương đương			Ghi chú
		Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017 (cột 3 = cột 6 + cột 9 + cột 12)	Số lượng tính đến thời điểm 31/10/2024 (cột 4 = cột 7 + cột 10 + cột 13)	So sánh (cột 4 - cột 3)	VP, Thanh tra			Phòng			Chi cục và tương đương			Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 13 - cột 12)	
					Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 7 - cột 6)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 10 - cột 9)	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 31/10/2024					
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>
	TỔNG CỘNG	146	135	-11	34	34	0	99	95	-4	15	9	-6	60	35	-25	
I	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	144	131	-13	34	34	0	97	91	-6	15	9	-6	60	35	-25	
1	Ban Dân tộc	4	4	0	2	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
2	Sở Công thương	11	9	-2	2	2	0	8	7	-1	1	0	-1	12	0	-12	
3	Sở Giao thông - Vận tải	5	6	1	2	2	0	3	4	1	0	0	0	0	0	0	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	10	8	-2	2	2	0	8	6	-2	0	0	0	0	0	0	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8	8	0	2	2	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	5	5	0	2	2	0	2	3	1	1	0	-1	3	0	-3	
7	Sở Lao động - TBXH	9	8	-1	2	2	0	6	6	0	1	0	-1	2	0	-2	
8	Sở Ngoại vụ	4	4	0	1	1	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	
9	Sở Nội vụ	9	9	0	2	2	0	4	6	2	3	1	-2	7	2	-5	
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	11	10	-1	2	2	0	4	2	-2	5	6	1	25	29	4	
11	Sở Tài chính	8	8	0	2	2	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	10	8	-2	2	2	0	6	6	0	2	0	-2	4	0	-4	
13	Sở Thông tin và Truyền thông	6	4	-2	2	2	0	4	2	-2	0	0	0	0	0	0	
14	Sở Tư pháp	8	5	-3	2	2	0	6	4	-2	0	0	0	0	0	0	
15	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	9	8	-1	2	2	0	7	6	-1	0	0	0	0	0	0	
16	Sở Xây dựng	8	8	0	2	2	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0	
17	Sở Y tế	6	5	-1	2	2	0	4	3	-1	2	2	0	7	4	-3	
18	Thanh tra tỉnh	5	5	0	1	1	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	
19	Văn phòng UBND cấp tỉnh	8	9	1	0	0	0	8	9	1	0	0	0	0	0	0	
II	Cơ quan của HĐND cấp tỉnh	2	4	2	0	0	0	2	4	2	0	0	0	0	0	0	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND cấp tỉnh	2	4	2	0	0	0	2	4	2	0	0	0	0	0	0	

PHỤ LỤC 3B

SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ, CẤP PHÓ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng biên chế được giao			Số lượng cấp phó Sở và tương đương; phó Ban, phó CVP HĐND			Số lượng cấp phó phòng, văn phòng, thanh tra			Số lượng cấp phó Chi cục thuộc Sở			Số lượng phó phòng và tương đương thuộc Chi cục			Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2024	So sánh (cột 4 - cột 3)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 7 - cột 6)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 10 - cột 9)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 13 - cột 12)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 16 - cột 15)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	1,279	1,123	-156	64	58	-6	149	118	-31	26	11	-15	72	52	-20	
I	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	1,255	1,094	-161	53	51	-2	149	118	-31	26	11	-15	72	52	-20	
1	Ban Dân tộc	21	20	-1	3	3	0	5	3	-2			0				
2	Sở Công thương	101	39	-62	3	2	-1	8	6	-2	1	0	-1	12	0	-12	
3	Sở Giao thông - Vận tải	58	57	-1	3	3	0	9	7	-2	0	0	0	0	0	0	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	54	48	-6	3	3	0	14	8	-6						0	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	44	44	0	3	3	0	11	8	-3			0			0	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	33	28	-5	2	3	1	4	3	-1	2	0	-2	2	0	-2	
7	Sở Lao động - TBXH	49	45	-4	3	3	0	8	8	0	1	0	-1	0	0	0	
8	Sở Ngoại vụ	24	23	-1	4	3	-1	5	4	-1	0	0	0	0	0	0	
9	Sở Nội vụ	75	67	-8	3	3	0	10	10	0	7	1	-6	6		-6	
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	377	336	-41	3	3	0	9	7	-2	10	8	-2	34	40	6	
11	Sở Tài chính	65	62	-3	3	3	0	3	3	0	0	0	0	8	8	0	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	46	41	-5	3	3	0	6	8	2	2	0	-2	4	0	-4	
13	Sở Thông tin và Truyền thông	28	27	-1	2	2	0	7	5	-2						0	
14	Sở Tư pháp	33	28	-5	3	3	0	5	4	-1						0	
15	Sở Văn hoá, thể thao và du lịch	53	48	-5	4	3	-1	11	9	-2						0	
16	Sở Xây dựng	34	37	3	2	3	1	9	5	-4						0	
17	Sở Y tế	67	59	-8	3	3	0	6	5	-1	3	2	-1	6	4	-2	
18	Thanh tra tỉnh	29	28	-1				7	6	-1							
19	Văn phòng UBND cấp tỉnh	60	57	-3	3	2	-1	12	9	-3							
20	VP Chuyên trách Ban ATGT tỉnh	4		-4			0										
II	Cơ quan của HĐND cấp tỉnh	24	29	5	11	7	-4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Ban Pháp chế				2	1	-1										
2	Ban kinh tế - ngân sách				2	1	-1										
3	Ban văn hoá - xã hội				2	1	-1										
4	Ban Dân tộc				2	1	-1										
5	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh	24	29	5	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Tăng do sáp nhập 02 Văn phòng và đã thực hiện tinh giản 01 biên chế năm 2024

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

*

PHỤ LỤC 5B

SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, CẤP PHÓ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng tổ chức			Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN (biên chế sự nghiệp) giao			Số lượng cấp phó		
		Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (5=4-3)	Năm 2017	Năm 2024	So sánh (8 = 7-6)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (11 = 10 - 9)
		3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	CẤP TỈNH	183	153	-30	6,954	5,641	-1,313	228	191	-37
1	ĐVSN thuộc cấp uỷ cấp tỉnh	3	3	0	90	71	-19	5	4	-1
2	ĐVSN thuộc UBND cấp tỉnh	19	16	-3	501	428	-73	13	12	-1
3	ĐVSN thuộc MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	2	2	0	9	7	-2	3	2	-1
4	ĐVSN thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	157	131	-26	6,334	5,120	-1,214	204	172	-32
5	ĐVSN thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh									
6	ĐVSN thuộc chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	2	1	-1	20	15	-5	3	1	-2
II	CẤP HUYỆN	547	483	-50	15,026	14,456	-570	895	795	-100
1	ĐVSN thuộc cấp uỷ cấp huyện	10	10	0	38	21	-17	11	8	-3
2	ĐVSN thuộc UBND cấp huyện	537	473	-50	14,988	14,435	-553	884	787	-97
	TỔNG CỘNG	730	636	-80	21,980	20,097	-1,883	1,123	986	-137

* Lưu ý: Thống kê số lượng tổ chức, cấp phó của các đơn vị sự nghiệp (không thống kê số lượng cấp phó các đầu mối bên trong)

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

*

PHỤ LỤC 4B

SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ, CẤP PHÓ CƠ QUAN KHỐI ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

(Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng biên chế giao			Số lượng cấp phó			Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2024	So sánh (cột 4 - cột 3)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 7 - cột 6)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	1,514	1,343	-165	308	292	-16	
I	Khối các Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ cấp huyện (1+2+3+4+5)	294	260	-28	64	66	2	
1	Ban Tổ chức	53	55	2	15	15	0	
2	Ban Tuyên giáo	35	32	-3	11	10	-1	
3	Ban Dân vận	31	33	2	11	8	-3	
4	Cơ quan UBKT	46	46	0	11	16	5	
5	Văn phòng	129	94	-35	16	17	1	
II	Khối chính quyền địa phương (1+2+3+...+15)	1,017	901	-116	191	178	-13	
1	Phòng Dân tộc	36	36	0	7	8	1	
2	Phòng Kinh tế	17	13	-4	4	2	-2	
3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	68	58	-10	14	13	-1	
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	87	70	-17	22	20	-2	
5	Phòng Lao động - TBXH	77	70	-7	16	14	-2	
6	Phòng Nội vụ	85	72	-13	20	17	-3	
7	Phòng Nông nghiệp và PTNT	91	71	-20	13	12	-1	
8	Phòng Quản lý đô thị	13	14	1	4	3	-1	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	108	88	-20	18	17	-1	
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	67	69	2	15	14	-1	

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng biên chế giao			Số lượng cấp phó			Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2024	So sánh (cột 4 - cột 3)	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/10/2024	So sánh (cột 7 - cột 6)	
11	Phòng Tư pháp	36	38	2	9	8	-1	
12	Phòng Văn hóa và Thông tin	28	41	13	8	5	-3	
13	Phòng Y tế	36	23	-13	5	7	2	
14	Thanh tra huyện	53	51	-2	10	10	0	
15	Văn phòng HĐND; UBND cấp huyện	215	187	-28	26	28	2	
III	Khối MTTQ và các tổ chức CT-XH (1+2+3+4+5+6)	203	182	-21	53	48	-5	
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	61	49	-12	11	11	0	
2	Liên đoàn lao động	49	34	-15	16	8	-8	
3	Hội Nông dân	37	36	-1	11	9	-2	
4	Hội LH Phụ nữ	36	33	-3	11	10	-1	
5	Hội Cựu chiến binh	29	28	-1	10	9	-1	
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	33	30	-3	9	8	-1	

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

*

PHỤ LỤC 6B

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔNG, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nội dung	Tại thời điểm 30/6/2017			Tại thời điểm 31/10/2024			So sánh			Ghi chú
		Số ĐVHC	Số lượng cán bộ, công chức theo Nghị định của Chính phủ	Số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao	Số ĐVHC	Số lượng cán bộ, công chức theo Nghị định của Chính phủ	Số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao	Số đơn vị hành chính (9=6-3)	Số lượng cán bộ, công chức theo Nghị định của Chính phủ (10=7-4)	Số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao (11=8-5)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Số lượng ĐVHC cấp huyện	10			10			0			
2	Số lượng ĐVHC cấp xã	130			129			-1			
3	Số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố										
3.1	Cán bộ cấp xã										Số lượng cán bộ, công chức giao chung cho các ĐVHC cấp xã
3.2	Công chức cấp xã		3070	3070		2786	2709		-284	-361	
3.3	Người hoạt động không chuyên trách tại cấp xã			2685			1668			-1017	
3.4	Người hoạt động không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố			17398			4338			-13060	

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

PHỤ LỤC 7B
ĐỀ XUẤT SẮP XẾP TÌNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo báo cáo số -BC/TU ngày /12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
I	2	3	4	5	6	7 (6-3)	8
A	KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	54			28	-18	
I	CẤP TỈNH	34			18	-8	
1	Sáp nhập Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Dân vận Tỉnh ủy	8					
1.1	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	4	Ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy	Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư	5	-2	Giám 01 văn phòng, Phòng thông tin - tổng hợp
1.2	Ban Dân vận Tỉnh ủy	3					
2	Giải thể Ban Bảo vệ CSSKCB tỉnh	2			0	-2	Chuyển chức năng, nhiệm vụ cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Y tế, Bệnh viện ĐK tỉnh
3	Kiến toàn Liên đoàn Lao động tỉnh	8	Liên đoàn Lao động tỉnh	Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư	5	-3	Giải thể 02 công đoàn ngành và công đoàn viên chức tỉnh; Sáp nhập Văn phòng với Ban Tài chính LĐLĐ tỉnh thành Văn phòng LĐLĐ tỉnh; thành lập mới 01 công đoàn các cơ quan tỉnh
4	Kiến toàn Hội Nông dân tỉnh	4	Hội Nông dân tỉnh	Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư	3	-1	Giải thể Trung tâm Hỗ trợ nông dân
5	Kiến toàn Tỉnh đoàn Điện Biên	5	Tỉnh đoàn Điện Biên	Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư	5	0	Sáp nhập Ban Phong trào và Ban Thanh thiếu nhi trường học, thành Ban Phong trào; Tiếp nhận và đổi tên tổ chức Đoàn thanh niên từ Đảng ủy Khối các CQ và DN tỉnh thành Đoàn Thanh niên các cơ quan tỉnh
II	CẤP HUYỆN	20			10	-10	
1	Sáp nhập Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận cấp ủy cấp huyện	20	Ban Tuyên giáo - Dân vận cấp ủy huyện	Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư	10	-10	

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
B	KHỐI CHÍNH QUYỀN						
I	CẤP TỈNH				91	-36	Bao gồm cả đầu mỗi đơn vị sự nghiệp trực thuộc
1	Sáp nhập Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính						
1.1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8	Sở Kinh tế - Tài chính	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư	10	-6	
1.2	Sở Tài chính	8					
2	Sáp nhập Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng						
2.1	Sở Giao thông vận tải	6	Sở Xây dựng và Giao thông	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng	8	-4	
2.2	Sở Xây dựng	6					
3	Sáp nhập Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ						
3.1	Sở Thông tin và Truyền thông	4	Sở Khoa học, Công nghệ và Truyền thông	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ	6	-3	
3.2	Sở Khoa học và Công nghệ	5					
4	Sáp nhập Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						
4.1	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10	-6	
4.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10					

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
5	Sáp nhập Sở Nội vụ và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	17					
5.1	Sở Nội vụ	9	Sở Nội vụ và Lao động	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; thi đua, khen thưởng; lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công	8	-9	
5.2	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	8					
6	Kiến toàn Ban Dân tộc tỉnh	4	Ban Dân tộc - Tôn giáo	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo; giảm nghèo	4	0	Chuyển chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành của Ban Dân tộc – Tôn giáo về Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
7	Kiến toàn Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.	7	-1	Bao gồm cả đầu mỗi đơn vị sự nghiệp trực thuộc
8	Kiến toàn Sở Giáo dục và Đào tạo	8	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; nhà giáo và công chức, viên chức quản lý giáo dục; cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ.	7	-1	
9	Kiến toàn Sở Y tế	7	Sở Y tế	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình; bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới	6	-1	

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
10	Kiện toàn Sở Công Thương	7	Sở Công Thương	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; xuất khẩu, nhập khẩu; thương mại biên giới; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn.	6	-1	Tiếp nhận Cục Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Bộ Công Thương chuyển về UBND tỉnh quản lý. Dự kiến mô hình Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
11	Kiện toàn Sở Tư pháp	5	Sở Tư pháp	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; pháp chế; chứng thực; nuôi con nuôi; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật	4	-1	Giải thể Thanh tra Sở Tư pháp, chuyển chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành của Sở Tư pháp giao cho cơ quan độc lập là Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định
12	Kiện toàn Sở Ngoại vụ	4	Sở Ngoại vụ	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia của địa phương.	3	-1	

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
13	Kiện toàn Văn phòng UBND tỉnh	9	Văn phòng UBND tỉnh	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đầu mối Cổng thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.	7	-2	Bao gồm cả đầu mỗi đơn vị sự nghiệp trực thuộc
14	Kiện toàn Thanh tra tỉnh	5	Thanh tra tỉnh	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân	5	0	Tiếp nhận chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành chuyển từ Ban Dân tộc; Sở Tư pháp về Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định
II	CẤP HUYỆN						
1	Sáp nhập, thành mới						

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	Ghi chú
1.1	Sáp nhập Phòng Nội vụ và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội		Phòng Nội vụ và Lao động	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng; việc làm; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội; an toàn lao động; người có công			
1.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường và Phòng Kinh tế (ở thị xã, thành phố); Phòng Tài nguyên và Môi trường và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ở các huyện)		Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo (đối với các huyện có biển, đảo); đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu.			

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
1.3	Phòng Quản lý Đô thị và Phòng Kinh tế (ở thị xã, thành phố); Phòng Kinh tế và Hạ tầng (ở các huyện)		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công nghiệp; tiêu thụ công nghiệp; thương mại; quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ); quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông			
1.4	Phòng Văn hóa - Thông tin; Phòng Kinh tế (ở thị xã, thành phố); Phòng Kinh tế và Hạ tầng (ở các huyện)		Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo			
2.3	Phòng Dân tộc; Phòng Nội vụ; Phòng Lao động - Thương binh và Xã.		Phòng Dân tộc – Tôn giáo	Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo, giảm nghèo			
2	Tổ chức lại						

STT	TỔ CHỨC HIỆN NAY		ĐỀ XUẤT SẮP XẾP, KIẾN TOÀN				Ghi chú
	Tên tổ chức	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	Tên tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Số lượng đầu mỗi trực thuộc	So sánh số lượng đầu mỗi trực thuộc	
2.1	Kiến toàn Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (tại thị xã Mường Lay và Thành phố Điện Biên Phủ)		Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Ngoài chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện nay, tiếp nhận thêm chức năng tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo từ Phòng Nội vụ; chức năng về giảm nghèo từ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.			
2.2	Kiến toàn Phòng Y tế		Phòng Y tế	Ngoài chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện nay, tiếp nhận thêm chức năng tham mưu quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội từ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			
2.3	Kiến Phòng Giáo dục và Đào tạo		Phòng Giáo dục và Đào tạo	Ngoài chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện nay, tiếp nhận thêm chức năng tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội			